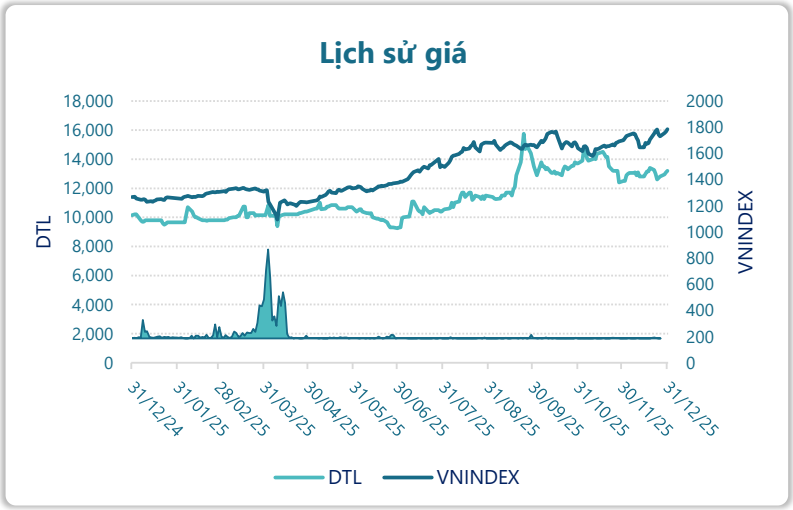
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,250
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,385
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	800
P/E	-6.8
EPS	-1,933

DT thuần

Q4/25

445

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0| 4.2%

YoY: ▼109| -19.7%

LN sau thuế

Q4/25

-22.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70| 14.3%

YoY: ▼23.4| -2568%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.8%

+/- YoY: ▲ 11.0%

DT thuần

2025

1,858

tỷ VNĐ

YoY: ▼109| -5.5%

LN sau thuế

2025

-117

tỷ VNĐ

YoY: ▼121| -2856%

ROE

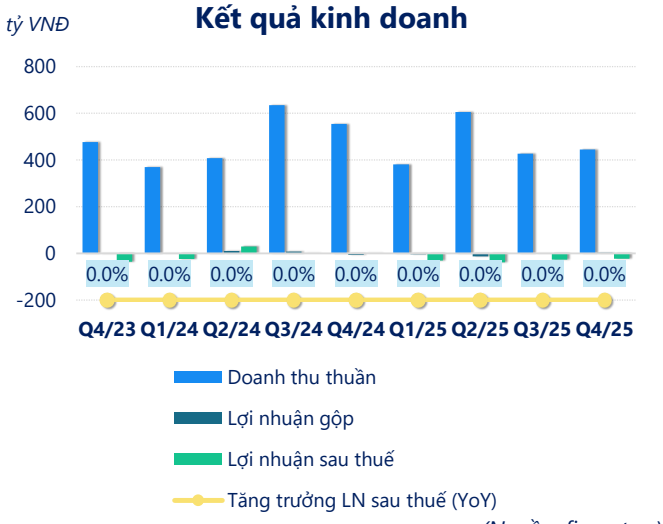
2025

-16.8%

+/- YoY: ▼ 17.3%

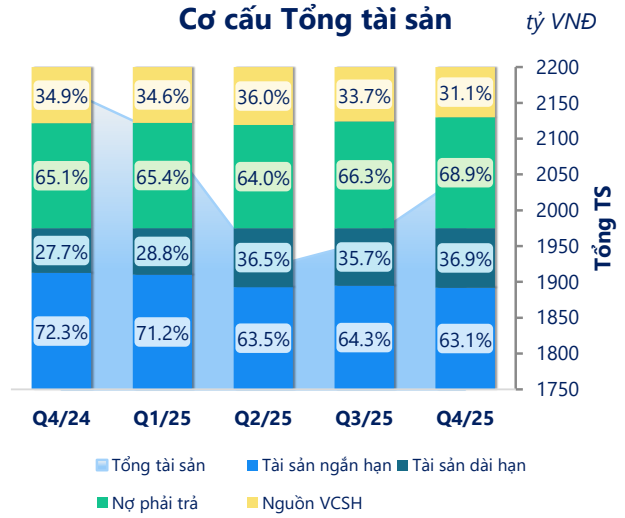
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



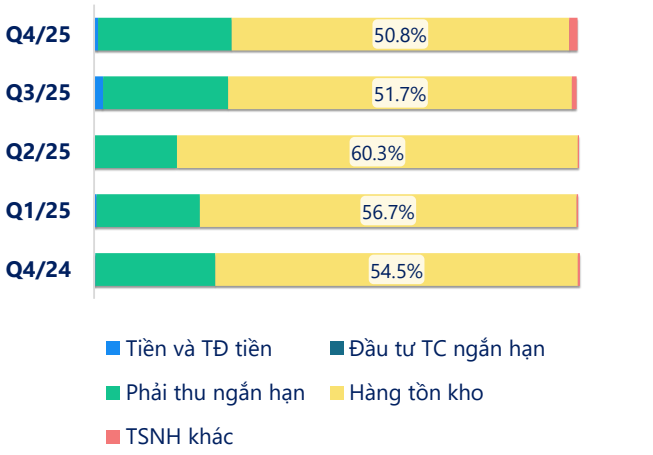
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



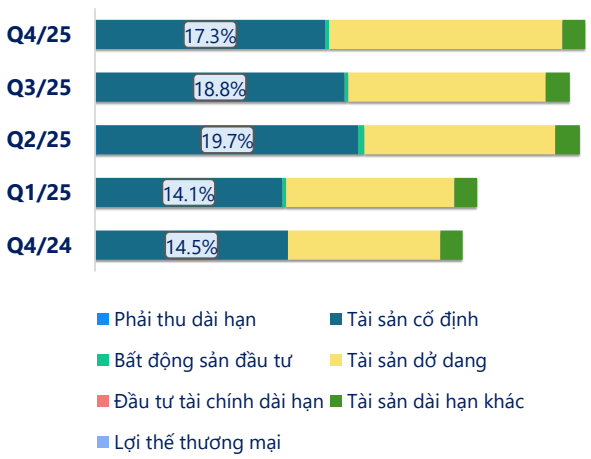
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



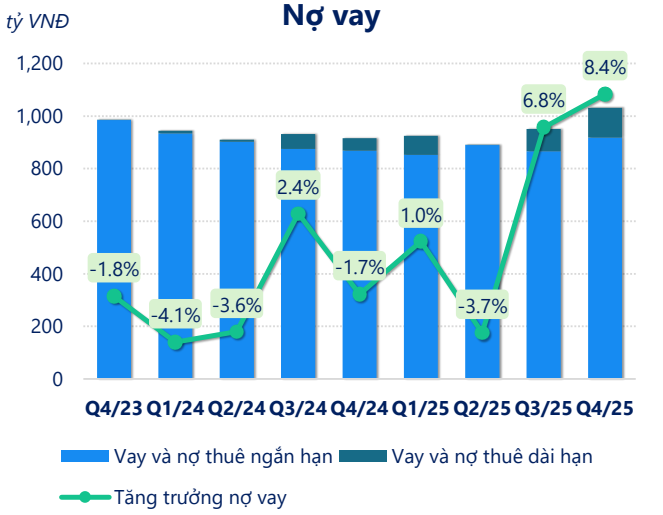
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



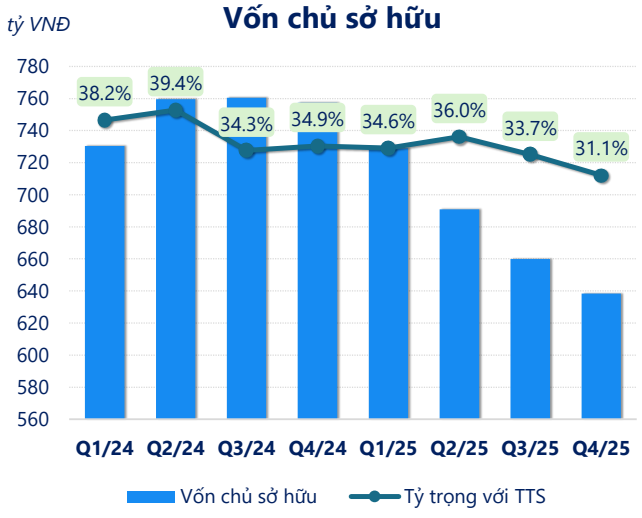
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



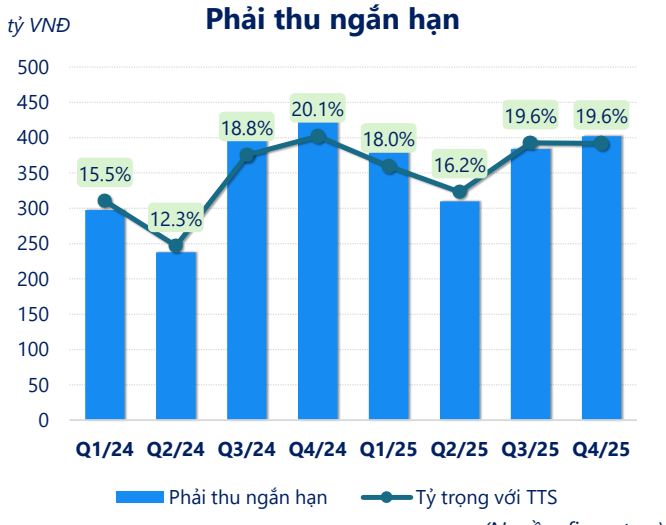
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



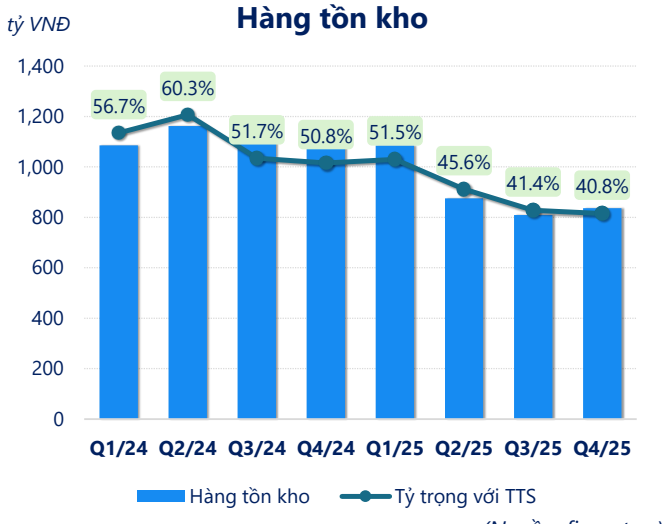
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



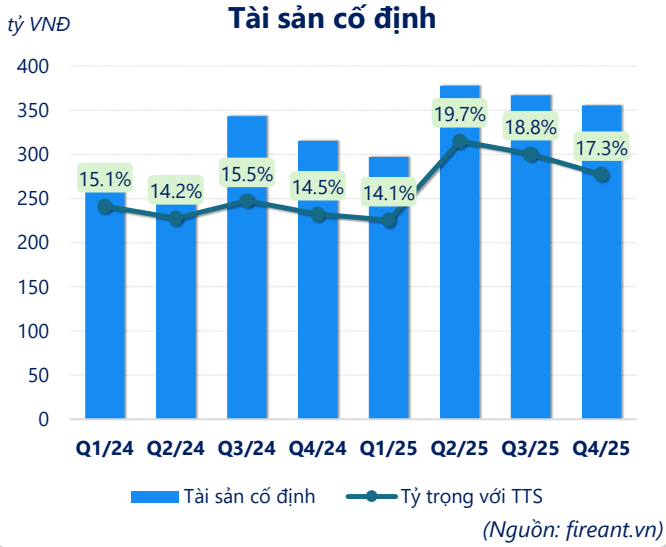
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



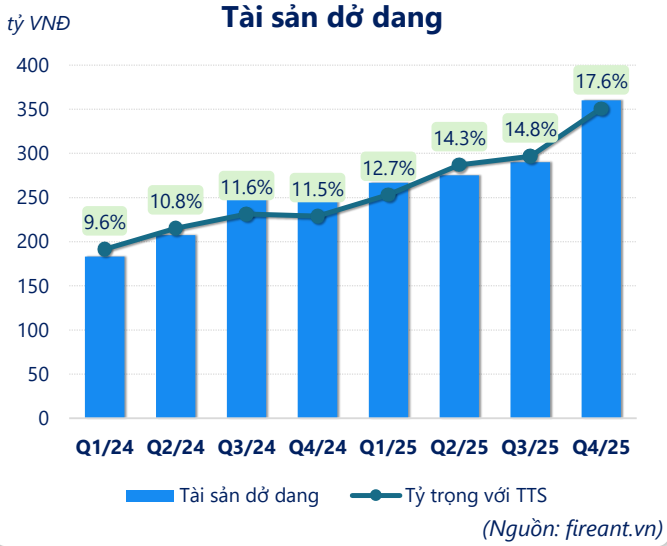
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



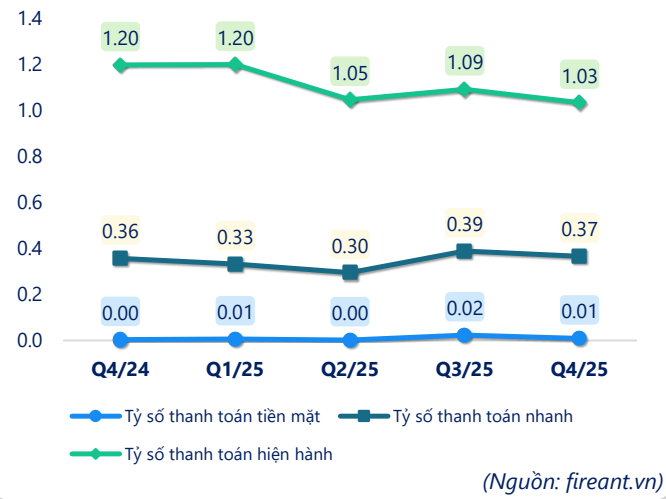
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



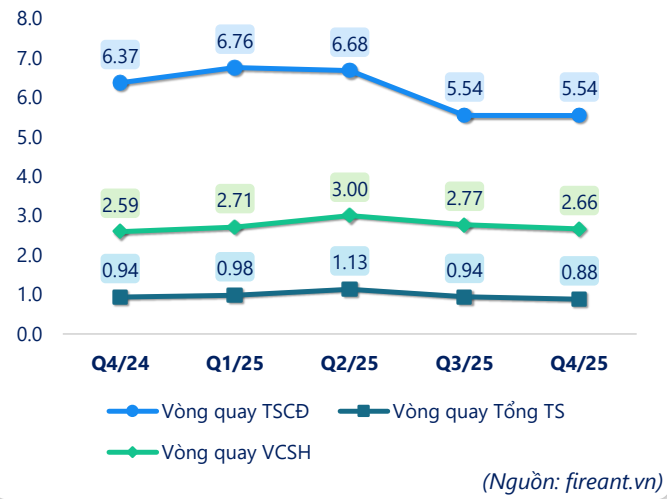
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,171**	**2,106**	**1,918**	**1,955**	**2,051**
Tài sản ngắn hạn	**1,571**	**1,501**	**1,219**	**1,257**	**1,295**
Tiền và tương đương tiền	4.26	7.67	2.32	27.1	12.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	436	379	310	384	402
Hàng tồn kho	1,103	1,085	875	809	836
Tài sản ngắn hạn khác	27.4	29.2	31.3	36.8	44.5
Tài sản dài hạn	**601**	**606**	**700**	**699**	**757**
Phải thu dài hạn	0	0	2.15	0	0
Tài sản cố định	315	297	378	367	355
Bất động sản đầu tư	0	5.92	9.17	5.77	5.73
Tài sản dở dang	249	267	275	290	360
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	36.4	36.1	35.6	35.6	35.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,414**	**1,377**	**1,227**	**1,295**	**1,413**
Nợ ngắn hạn	**1,311**	**1,251**	**1,164**	**1,150**	**1,252**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	868	852	889	865	918
Phải trả người bán ngắn hạn	333	295	136	219	278
Nợ dài hạn	103	127	63.7	145	161
Vay và nợ thuê dài hạn	47.6	72.0	1.38	85.4	113
Nguồn vốn chủ sở hữu	**757**	**729**	**691**	**660**	**638**
Vốn chủ sở hữu	**757**	**729**	**691**	**660**	**638**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)